

Số: 234/2024/QĐST - D1, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/TLST – DS ngày 30 tháng 5 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1

Trụ sở: 41 Tầng trệt, lửng, 1, 2 và 45 đường L, Phường B, Quận A, Tp .

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh D - Giấy ủy quyền số 530.01/2024/ UQ –OCB ngày 09/7/2024

ĐCLL: Tòa nhà T, T, khu chức năng số 1-KDT mới T, A T, khu phố C, phường T, Tp ., Tp .

- Bị đơn: ông Võ Minh H, sinh năm 1984 và Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1985

Cùng trú tại: 5 Đ, Phường A, Quận D, Tp .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Trần Minh H1, sinh năm 2010 và Võ Trần Thảo N, sinh năm 2014 là con của ông H và bà P – do ông H và bà P là người đại diện theo pháp luật.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất xác nhận ông Võ Minh H và bà Trần Thị Ngọc P còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/9/2024 là 1.222.715.094 đồng, Đối với Hợp đồng tín dụng số ST19013097/2019/CQ4/HĐTD ngày 27/6/2019 nợ gốc 1.001.399.993 đồng, lãi phát sinh 221.315.101. Đối với Hợp đồng tín dụng số ST22032967/2022/CQ4/HĐTD ngày 02/12/2022 nợ gốc 284.812.000 đồng, nợ lãi 70.432.530 đồng. Tổng nợ: 355.244.530 đồng. Tổng của hai hợp đồng 1.557.959.624 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đồng ý và ông Võ Minh H và bà Trần Thị Ngọc P cam kết trả toàn bộ số tiền nợ trên hạn cuối cùng là ngày 13/01/2025 dương lịch. Theo Hợp đồng tín dụng số ST19013097/2019/CQ4/HĐTD ngày 27/6/2019 và Hợp đồng sửa

đổi, bổ sung số ST190113097.01/2021/SĐBS- HĐTD ngày 22/9/2021, Hợp đồng tín dụng số ST22032967/2022/CQ4/HĐTD ngày 02/12/2022.

Kể từ ngày 14/9/2024 ông **Võ Minh H** và bà **Trần Thị Ngọc P** còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Trường hợp ông **Võ Minh H** và bà **Trần Thị Ngọc P** trả đúng thời hạn số tiền nợ trên thì phía Ngân hàng trình lãnh đạo xem xét giảm 01 phần nợ lãi cho ông **Võ Minh H** và bà **Trần Thị Ngọc P**.

Trường hợp ông **Võ Minh H** và bà **Trần Thị Ngọc P** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ như thỏa thuận trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số ST19013097/2019/CQ4/HĐTC ngày 27/6/2019 là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 địa chỉ: **5 Đ, Phường A, Quận D** theo Giấy chứng nhận số BĐ 699566 số vào sổ cấp GCN CH00615 do **U** cấp ngày 08/7/2011, cập nhật thay đổi ngày 27/3/2019 cho ông **H** và bà **P**.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 29.669.394 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng) ông **Võ Minh H** và bà **Trần Thị Ngọc P** nhận nộp.

Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần P1** số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 28.056.000 đồng (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0034350 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

Ông **Võ Minh H** và bà **Trần Thị Ngọc P** phải hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP P2** phí xem xét thẩm định chỗ số tiền là 10.000.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP – HS.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Thủy Tiên